

THỬ GỢI LÊN NHỮNG SUY NGHĨ VỀ ĐỔI MỚI CÁCH QUẢN LÝ CỦA MỘT VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

PHẠM BÍCH SAN

Giống như hiện tượng con lắc trong tự nhiên, sự phát triển trong đời sống xã hội cũng thường chao đảo giữa một hướng và đối cực với nó. Mười năm Đổi Mới qua đi với nhiều thành tựu to lớn nhưng cũng lại đặt ra những vấn đề mới cho các cơ quan khoa học : quản lý hoạt động khoa học tại một Viện nghiên cứu như thế nào ?

Có lẽ, trước hết chúng ta cần trở lại với mục tiêu cuối cùng của hoạt động nghiên cứu khoa học : tìm kiếm những kiến thức và thông tin mới góp phần vào sự hiểu biết chung của nhân loại. Nếu phát kiến đó không đóng góp được vào sự hiểu biết chung của nhân loại thì đương nhiên đó không phải là hoạt động khoa học mà giỏi lắm cũng chỉ có thể là những hoạt động của ai đó nhằm thỏa mãn trí tò mò cho một người hoặc một nhóm người. Điều kiện tối thiểu cho nghiên cứu khoa học gồm có hai : một là Quyền tự do suy nghĩ của các nhà khoa học và hai là Có các nhà khoa học . Có thể thêm điều kiện thứ ba nữa trong thời buổi hiện nay : có các đầu tư cần thiết cho công tác đó.

Điều kiện thứ nhất là tuyệt đối cần thiết vì các phát kiến khoa học là những điều chưa biết, ngoài sự suy nghĩ thông thường của người đời, nên rất dễ bị thành kiến nếu không có cơ chế đảm bảo an toàn cho những người làm khoa học. Tòa án dị giáo xứ Brune, Gallilé, những đợt thanh trừng rộng lớn ở Liên Xô cũ trong những thập kỷ 30 và 40 đã làm tổn thất cho ngành di truyền học, điều khiển học và nhiều ngành khác là minh chứng cụ thể cho việc này. Điều kiện thứ hai là cần thiết vì chẳng có nền khoa học nào lại có thể đơm hoa kết trái được nếu như thiếu các nhà khoa học đích thực. Suy cho cùng những ý tưởng mới cũng phải được bắt đầu từ những cái đầu cụ thể nào đó. Cuối cùng, khi khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất thì nó không còn là niềm đam mê của một số cá nhân không vụ lợi nào đó mà trở thành hoạt động của một số lượng đáng kể dân cư với những chi phí ngày càng tăng cũng như những đóng góp ngày càng vượt bậc cho sự hùng mạnh của quốc gia, và do vậy sự đầu tư thích đáng cho khoa học cũng là cần thiết.

Vậy tình hình của các Viện nghiên cứu khoa học đại khái như thế nào vào năm 1986, khi bắt đầu công cuộc Đổi Mới ?

Các Viện khoa học Việt Nam bước vào Đổi Mới không giống nhau, đặc biệt là giữa nhóm khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Nếu trong khoa học tự nhiên việc xác định vấn đề nghiên cứu và kết quả thu được không phải là việc phải tính nhiều tới những yếu tố ngoài khoa học, cán bộ được đào tạo nhìn chung rất tốt tại các trường Đại học và Viện nghiên cứu

ngoài nước và trong nước, cũng như các đầu tư của nhà nước là tương đối khá so với mặt bằng chung lúc bấy giờ, thì nhóm khoa học xã hội không được như vậy. Nghiên cứu cái gì và trình bày kết quả như thế nào là điều các Viện và các nhà khoa học xã hội thường phải cân nhắc. Các cán bộ khoa học xã hội chủ yếu được đào tạo trong nước và số cán bộ sau đại học chỉ được đào tạo với quy mô lớn hơn tại Liên Xô và các nước Đông Âu bắt đầu từ cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, nhất là đối với những ngành như triết học, xã hội học, luật học. Nguồn đầu tư cho khoa học xã hội cũng có thể nói là không lớn. Sự khác biệt này đã đưa đến các giải pháp của nhóm khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, có thể có đôi chỗ khác nhau, đặc biệt là về tốc độ thích nghi với Đổi Mới, với kinh tế thị trường và sự phát triển tiếp tục sau đó.

Tuy nhiên, có một số nét chung là các Viện đều theo mô hình quản lý của Liên Xô cũ với sự tập trung rất cao theo cấp bậc : viện trưởng, trưởng phòng và cán bộ nghiên cứu. Với cách tổ chức như thế việc tập trung vào giải quyết một vấn đề gì đó là rất có thể làm được một cách tương đối nhanh chóng, nhưng cơ cấu này nhiều khi lại quá cứng để có thể đáp ứng những vấn đề mới được đặt ra, để khẳng định quyền sáng tạo của các nhà khoa học và nhất là giải thể một tổ chức nghiên cứu khi đối tượng nghiên cứu không còn nữa là điều rất khó. Người ta vào làm trong các cơ quan khoa học vì uy tín của nghề khoa học là rất cao, khả năng thỏa mãn sự sáng tạo cá nhân cũng như cấp độ thoải mái ở một chừng mực nhất định lớn hơn các khu vực khác.

Tất cả kinh phí hoạt động đều do Nhà nước cung cấp theo kế hoạch đã đặt ra và đại khái phân theo ba loại : 1/ Đề tài cấp nhà nước giải quyết các đơn đặt hàng của nhà nước, các vấn đề đặc biệt quan trọng từ góc độ của nhà nước, 2/ Đề tài cấp bộ giải quyết vấn đề bộ chuyên ngành đặt ra và. 3/ Đề tài tiềm lực nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của các nhà khoa học hay nhóm nhà khoa học theo một số định hướng nào đó. Các quan hệ hợp tác với nước ngoài, đặc biệt là quan hệ trực tiếp giữa các nhà khoa học, khá hạn chế và chủ yếu gói gọn trong khối xã hội chủ nghĩa. Và sau cùng, mà có lẽ là trên hết, tất cả các nhà khoa học, dù tự nhiên hay xã hội, đều phải đối diện với một vấn đề cam go là đồng lương thì cố định trong khi giá cả thị trường lại bất ổn định theo hướng gia tăng chóng mặt.

Đổi Mới đã đặt tất cả các Viện khoa học đứng trước một tình hình mới ; các kế hoạch nghiên cứu trở nên nhiều khi hài hước trước sự biến động của giá cả thị trường, đồng lương ngày càng trở nên không phải là lương nữa, địa vị xã hội của nhà khoa học, có thời kỳ đã xuống thấp một cách thảm hại. Giải pháp cấp thời : cử người đi nước ngoài qua hợp tác khoa học và về sau này, đi xuất khẩu lao động làm những việc không liên quan gì tới chuyên môn được đào tạo. Nhưng tiếp đó thì sao ?

Khởi đầu, các cán bộ các Viện nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ cảm nhận được nhu cầu của thị trường và bắt đầu vào cuộc. Các cá nhân hoặc nhóm những cá nhân nhận được những hợp đồng ngoài quy ước thông thường vốn có. Đó cũng có thể là những dự án nghiên cứu hợp tác với nước ngoài trong đó vai trò của nhà khoa học, chứ không phải là cơ quan nơi họ làm việc, giữ vai trò chủ đạo. Những hợp tác với nước ngoài đã đóng vai trò quan trọng trong bước khởi đầu xét từ cả ba bình diện : thông tin khoa học, kinh phí nghiên cứu và đào tạo cán bộ. Tuy nhiên, cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam,

nguồn đầu tư trong nước từ phía Chính phủ cũng như các hợp đồng trong nước đã dần trở thành một yếu tố chủ đạo.

Theo tiến trình thời gian, chẳng bao lâu, trong cái khung thể chế cứng của Viện nghiên cứu khoa học trở nên quá nặng nề. Hàng loạt trung tâm, công ty được thành lập trên cơ sở các phòng, các nhóm cán bộ khác nhau từ trong lòng các Viện nghiên cứu để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu đa dạng mới. Tiếp tục của logic thông thường này là quá trình phi tập trung hóa ngày càng cao hơn để tới điểm cuối cùng là thực lực của nhà khoa học với tư duy độc lập và bản lĩnh của mình. Quá trình này còn được làm mạnh mẽ thêm bởi một đặc điểm khá nổi bật của người Việt Nam : nhu cầu về sự hợp tác với nhau thấp. Dòng chuyển động chính của các Viện khoa học cho đến năm 1995 là như vậy. Không có ngoại lệ cho khoa học xã hội, trừ một điểm là, quy mô và tầm cỡ ở đây nhỏ hơn và có lẽ thu nhập trung bình của khối khoa học xã hội cũng thấp hơn đáng kể so với khối khoa học tự nhiên và công nghệ.

Có những vấn đề sau khi được đặt ra cho các Viện khoa học trong bước chuyển đổi này: 1/Xác định lại phạm vi của những nghiên cứu cơ bản và mối tương quan của nó với các nghiên cứu khác, tạm gọi là những nghiên cứu tác nghiệp. 2/ Xác định lại mối quan hệ giữa nghiên cứu và giảng dạy. 3/ Xác định vai trò của hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, 4/ Có cơ chế tuyển lựa cán bộ khoa học. 5/ Tổ chức hoạt động nghiên cứu như thế nào.

Vấn đề thứ nhất và thứ hai thoát thai từ mô hình tổ chức của Liên Xô cũ. Chẳng hạn như thoát đầu, khi Viện nghiên cứu vật lý được Iofe lập ra ở Saint Peterburg đầu những năm 1920 thì nó đã là một cái gì đó rất mới cho phép đẩy nhanh sự phát triển của các nghiên cứu vật lý để rồi trở thành mô hình tổ chức chủ yếu trong nghiên cứu vật lý để rồi trở thành mô hình tổ chức chủ yếu trong nghiên cứu khoa học ở các nước Xã hội chủ nghĩa. Nhưng nó cũng làm suy yếu đáng kể, trình độ đào tạo cho sinh viên do thiếu những người thầy giỏi nhất, đều đưa đến sự cải tổ có tính chất tình huống ở Liên Xô đầu những năm 1950 bằng cách chuyển hàng loạt các cán bộ khoa học giỏi sang các trường Đại học lớn. Chu kỳ khủng hoảng này lại diễn ra ở Liên Xô khoảng 20 năm sau đó để rồi, người ta phải tư duy lại : sự phân công giữa Viện và trường là thế nào và có hợp lý không khi cắt rời tất cả các Viện với các trường Đại học ? Phải chăng là cái tên mà nhiều Viện khoa học Việt Nam đang có, đúng ra là trách nhiệm của các khoa học trong nhà trường còn các Viện thì triển khai nhưng vấn đề mà xã hội và khoa học đặt ra, cái mà họ vốn hiện vẫn đang làm. Giải quyết cái tên không hoàn toàn phù hợp với công việc này sẽ chấm dứt những cuộc cãi vã muôn thủa ở các Viện là cần phải triển khai các nghiên cứu lý thuyết cơ bản như thế nào. Đồng thời, nó cũng chấm dứt được luôn cả vấn đề giáo viên giỏi cho sinh viên và có sự đòi hỏi nghiêm khắc mỗi ngày một mới hơn, trực tiếp hơn đối với nhà giáo / nhà khoa học.

Vậy ở đây cần xác định như thế nào là nghiên cứu tác nghiệp. Rất khó đưa ra được một giới hạn rõ ràng vì nó có thể, theo suy nghĩ của chúng tôi, bao gồm một dải rất rộng từ các nghiên cứu thuần túy theo hợp đồng với một đối tác nào đó để giải quyết, vấn đề mà phía đối tác quan tâm cho tới việc trả lời cho những vấn đề mà xã hội đang có nhu cầu rất cụ thể, trước mắt. Trên cấp tác nghiệp này là một loạt những vấn đề trừu tượng hơn, có thể không có nhu cầu trực tiếp trước mắt của những vấn đề trọng tâm mà Viện khoa học được lập ra để theo đuổi. Những nghiên cứu này hoàn toàn đã là những nghiên cứu cơ bản và chắc chắn sẽ

đem lại những cái gì đó mới mẻ hơn cho sự phát triển của những chuyên ngành khoa học có thể có liên quan tới việc nghiên cứu đó. Bên cạnh đó, những kiến thức và thông tin tích lũy lại được từ những nghiên cứu tác nghiệp cũng rất có thể mang lại những sự khởi sắc khác cho sự hiểu biết của những chuyên ngành truyền thống và có thể sẽ mở ra những chuyên ngành mới.

Nếu chấp nhận một sự phàn nàn như thế thì có thể thấy trong điều kiện Việt Nam, nhà nước là nguồn cung cấp kinh phí chủ yếu cho những nghiên cứu cơ bản và một phần những nghiên cứu tác nghiệp. Còn các sự tài trợ nước ngoài sẽ góp phần nào đó vào việc nâng cao kiến thức qua việc đào tạo cán bộ ở những ngành mà Việt Nam còn thiếu, nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội, và sẽ có vai trò đáng kể trong việc phát triển các nghiên cứu tác nghiệp. Tuy nhiên, quan hệ quốc tế sẽ chỉ có hiệu quả cao khi đầu tư đối ứng của phía Việt Nam phải ở tầm mức tương xứng cũng như phương hướng đầu tư phải có đường nét rõ ràng. Điều mà nói chung khoa học Việt Nam hiện chưa có đủ, phải chăng chính là chúng ta cử người đi đào tạo ở bên ngoài chủ yếu tùy thuộc vào sự viện trợ của nước ngoài, khả năng và trình độ của các học viên, cũng như việc tiến hành các công trình hợp tác nghiên cứu khoa học tùy thuộc rất nhiều, nếu không nói là phần lớn, vào mối quan tâm của các đối tác nước ngoài.

Mặt khác, cũng không có căn cứ nào để nói Nhà nước Việt Nam chưa có sự quan tâm cao đến khoa học trong tương quan với tình trạng kinh tế hiện hành. Nhưng hiệu quả của các đầu tư đó tùy thuộc vào cách chúng ta đầu tư như thế nào. Sự phi tập trung hóa, đã dẫn đến tình trạng rất khó xác định, hay đúng hơn ít ai muốn nhận lấy quyền xác định, lĩnh vực nào và bao nhiêu là cần thiết cho một công trình nghiên cứu, đặc biệt khi tổng lực là nhỏ bé mà số cán bộ khoa học, không kể đến năng lực lại rất đông. Hơn thế nữa, quyền lãnh đạo ở Việt Nam khoa học ngày nay rất nhiều nơi tùy thuộc vào sự bỏ phiếu tín nhiệm. Có ai muốn lên làm lãnh đạo mà lại định làm mất lòng số đông vì một nguồn đầu tư nhỏ như thế? Nhiều Viện đã buộc phải chấp nhận phương án chia bình quân số đầu tư tiềm lực cũng như theo chế độ luân lượt thay nhau trong việc tiếp nhận các đề tài cấp bộ cũng như cấp nhà nước. Cũng vì thế sự đánh giá song phẳng chất lượng khoa học lại là một hậu quả khác của quá trình phi tập trung hóa này: sự dễ dãi cho qua là điều phổ biến, đến nỗi mỗi người đều có cảm giác là làm khoa học ngày hôm nay dường như là cũng không khó khăn gì lắm.

Do vậy, tuyển lựa cán bộ và tổ chức hoạt động nghiên cứu là những điểm tiếp theo mà các viện khoa học đang trong cuộc tìm tòi giải pháp tối ưu. Tính chất đặc biệt của nghề nghiệp này là người nghiên cứu phải có năng lực và năng lực này không phải được duy trì mãi cùng với thời gian. Hiện nay, theo tôi, điều đặc biệt quan trọng của sự quản lý khoa học là phải tạo điều kiện cho người nghiên cứu được độc lập ở mức độ cao nhất để tự lo cho việc nghiên cứu của mình. Tạo ra một tâm lý yên chí với một biên chế suốt đời sẽ triệt tiêu mất ý thức tự phấn đấu vươn lên trong nghiên cứu khoa học. Khái niệm làm khoa học được tạo dựng bởi những nhà đeo kính cận trầm tư với quyển sách đã lúi súi vào quá khứ để nhường chỗ cho những hệ thống thu thập và phân tích số liệu rộng lớn, những nhà khoa học năng động định hướng theo những vấn đề xuất hiện liên tục trước mắt và sẵn sàng giải quyết những vấn đề nảy sinh khi có yêu cầu.

Thời gian trôi qua cho phép các nhà khoa học nhận thấy một điều : sự liên kết giữa các nhà khoa học là cần thiết, và cũng là cần thiết phải có các thể chế thỏa mãn được khả năng giải phóng họ khỏi các công việc tổ chức, quản lý và cho phép họ có thể chuyên môn hóa với công việc sáng tạo của mình. Sự phi tập trung hóa khỏi cơ chế quan liêu, bao cấp nếu đã là cần thiết cho sự giải phóng năng lực sáng tạo của các nhà khoa học thì sự liên kết hợp lý giữa các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, là tuyệt đối cần thiết. Rõ ràng, cơ chế phòng ban trong khoa học tỏ ra ít thích ứng với điều này mà phải là một cơ chế hành chính năng động đảm bảo phục vụ nhu cầu của các nhóm hay cá nhân nhà khoa học khác nhau khi cần tới. Không phải là hệ thống hành chính thứ bậc đứng trên nhà khoa học mà là hệ thống hành chính phải đáp ứng tốt nhất cho nhà khoa học khi họ có yêu cầu. Yêu cầu phi tập trung hóa và tập trung hóa cần phải được giải quyết một cách thích đáng.

Phải chăng, đây là đòi hỏi của nửa cuối thập kỷ 90 và cũng là nhu cầu tất yếu của một xã hội lành mạnh đối với một thực tiễn khoa học phát triển ? Mười năm Đổi Mới đã cho một kinh nghiệm to lớn về phi tập trung hóa và giải phóng các năng lực sáng tạo tiềm ẩn ở các nhà khoa học, các viện khoa học của chúng ta. Mười năm sắp tới sẽ là thời kỳ xây dựng các trường đại học, các viện nghiên cứu có sự kết hợp hài hòa, tối ưu những năng lực đã được giải phóng đó. Điều này cũng chẳng đặc biệt mới mẻ gì, vì các quốc gia khác, nếu họ có một nền khoa học phát triển, chính là vì họ đã có mô hình tổ chức hợp lý của nó. Chỉ có như vậy mới có thể tạo ra bước nhảy cho nền khoa học nước nhà đáp ứng được các đòi hỏi của thời kỳ Đổi mới.